TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2023/DSPT
Ngày 13/12/2023
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung
Các Thẩm phán: Ông Phạm Trường Thọ
Ông Nguyễn Văn Dũng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2023/TLPT-DS ngày 21/11/2023 về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 134/2023/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.
Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 283/2023/QĐPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Phạm Minh T, sinh năm 1955 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà T1: Ông Phạm Minh T (ủy quyền ngày 16/10/2022, có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Mai Nguyễn T2, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh T2 là anh Mai Thanh D, sinh năm 1978 (ủy quyền ngày 27/10/2023).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà B là anh Mai Thanh D, sinh năm 1978 (ủy quyền ngày 23/10/2023, có mặt).

2. Ông Đặng Văn S, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Tất cả cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Anh Mai Nguyễn T2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện ngày 15/02/2022 và các lời khai tiếp ông Phạm Minh T, bà Nguyễn Thị T1 trình bày:* Vào ngày 10/5/2006 ông T, bà T1 có nhận chuyển nhượng của ông Mai Văn N, bà Nguyễn Thị B thửa đất số 397 (thửa củ 644), diện tích 1.480 m^2, loại đất lúa tại ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long với giá 15.000.000 đồng, ông T, bà T1 đã trả đủ tiền, nhận đất sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/6/2012. Đến tháng 10 năm 2022 anh Mai Nguyễn T2 ngang nhiên cặm trụ đá kéo lưới B40 lấn chiếm diện tích đất theo đo đạc thực tế thửa 397-1 diện tích 266,5 m^2. Ông T, bà T1 khởi kiện yêu cầu buộc anh T2 tháo dỡ, di dời trụ đá rào lưới B40 trả lại đất cho ông T, bà T1.

- *Trong bản tự khai ngày 23/3/2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Mai Nguyễn T2 và bà Nguyễn Thị B trình bày:* Trước đây gia đình anh T2 có chuyển nhượng cho ông T, bà Tam thửa đất 397 diện tích 1.480 m^2, lúc chuyển nhượng gia đình anh T2 có chừa lại phần đất nền chòi tách riêng thửa 397-1 diện tích 266,5 m^2. Do quyền sử dụng đất bản gốc đưa cho ông T, gia đình anh T2 mượn lại để làm thủ tục tách thửa đất nhưng ông T không đồng ý. Nay theo yêu cầu ông T, bà T1 thì anh T2, bà Ba k đồng ý do phần đất thửa 397-1 là của gia đình anh không có chuyển nhượng cho ông T, bà T1.

- *Trong biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2023 ông Đặng Văn S trình bày:* Theo kết quả đo đạc phần đất thửa 40 diện tích 307,7m^2 tiếp giáp thửa 397 do ông T, bà T1 sử dụng trước đây là của ông S đổi với ông Mai Văn N, đổi đất trước khi ông N chuyển nhượng đất cho ông T. Ông S không tranh chấp phần đất này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 134/2023/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ Điều 688 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Minh T, Nguyễn Thị Tam . Buộc anh Mai Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị Ba t tháo dỡ, di dời các trụ đá rào lưới B40 trả lại diện tích đất cho ông Phạm Minh T, bà Nguyễn Thị Tam t1 397-1 diện tích 266,5 m^2, tọa lạc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (có kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 04/9/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V kèm theo).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định, định giá, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26 tháng 10 năm 2023 bị đơn anh Mai Nguyễn T2 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm có nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của ông T, buộc ông T trả lại phần đất diện tích 266,5m^2 cho gia đình anh T2.

Tại phiên tòa phúc thẩm; anh T2 do anh D đại diện rút toàn bộ kháng cáo yêu cầu ông T trả lại phần đất diện tích 266,5m^2 cho gia đình anh T2. Ông T đồng ý việc anh T2 rút kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289, 295 khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Đình chỉ xét xử phúc thẩm do đại diện hợp pháp của anh T2 rút kháng cáo. Sửa bản án sơ thẩm về án phí. Anh T2 phải nộp 300.000 đ án phí sơ thẩm. Anh T2 không phải nộp án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định :

[1] *Về tố tụng:* Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn kháng cáo của anh T2 còn trong hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm qui định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Tại phiên tòa phúc thẩm*, người đại diện hợp pháp của anh T2 rút toàn bộ kháng cáo theo qui định tại điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh T2 theo quy định tại Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Bản án sơ thẩm buộc anh T2, bà B nộp án phí sơ thẩm 2.942.000 đồng, các đương sự không kháng cáo nhưng nội dung này làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự cần xem xét giải quyết toàn diện vụ án. Xét quan hệ pháp luật là tranh chấp buộc tháo dỡ di dời tài sản trả đất, không liên quan đến giá trị tài sản nên anh T2, bà Ba chỉ nộp án phí không giá ngạch là 300.000đ. Do vậy Hội đồng xét xử thống nhất sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố

tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí xem xét, thẩm định, định giá: Buộc anh Mai Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị B nộp số tiền 6.800.000 đồng được khấu trừ số tiền ông T, bà T1 nộp tạm ứng 2.800.000 đồng và anh T2, bà B nộp tạm ứng 4.000.000 đồng; Buộc anh T2, bà Ba p nộp số tiền 2.800.000 đồng để hoàn trả cho ông T, bà Tam nhận không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Mai Nguyễn T2 về yêu cầu ông T trả lại phần đất diện tích 266,5m^2 cho gia đình anh T2 do đã rút kháng cáo.

- Sửa một phần bản án sơ thẩm số 134/2023/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 688 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Minh T, Nguyễn Thị Tam .

Buộc anh Mai Nguyễn T2 và bà Nguyễn Thị Ba t tháo dỡ, di dời các trụ đá rào lưới B40 trả lại diện tích đất cho ông Phạm Minh T, bà Nguyễn Thị Tam t1 397-1 diện tích 266,5 m^2, tọa lạc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (có kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 04/9/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V kèm theo).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Mai Nguyễn T2 và bà Nguyễn Thị Ba p1 nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

3. Về án phí phúc thẩm:

- Anh Mai Nguyễn T2 không phải nộp án phí phúc thẩm; Hoàn trả anh Mai Nguyễn T2 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010793 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí xem xét, thẩm định, định giá: Buộc anh Mai Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị B nộp số tiền

6.800.000 đồng được khấu trừ số tiền ông T, bà T1 nộp tạm ứng 2.800.000 đồng và anh T2, bà B nộp tạm ứng 4.000.000 đồng; Buộc anh T2, bà Ba p1 nộp số tiền 2.800.000 đồng để hoàn trả cho ông T, bà Tam nhận không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Trà Ôn;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Ngọc Dung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thành Viên Hội Đồng Xét Xử **Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**

Đặng Thị Ánh Bình **Nguyễn Văn Trường** **Trần Thị Ngọc Dung**